

Bản án số: 39 /2021/HNGĐ-ST
Ngày 29 - 7- 2021
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC, TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đức Hoàn

Ông Bùi Trung Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Ninh Thị Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lanh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 20/2021/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2021 Về việc “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2021/QĐST- HNGĐ ngày 08/7/2021.

Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị P, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn T, thị trấn L, huyện L, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Bùi Xuân S, sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn T, xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa có mặt chị P, anh S đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hà Thị Phụng trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Xuân S chung sống tự nguyện từ tháng 9 năm 2012, đến ngày 19/9/2013 chị và anh S mới đến UBND xã Q, huyện L, tỉnh Thanh Hóa để đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại bản N, xã N, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh S không tu chí làm ăn, thường uống rượu say và chửi bới chị, khiến chị không thể chịu đựng được. Đến tháng 8 năm 2013 chị về quê để sinh con và sinh sống tại thôn T, xã Q, huyện L, còn anh S chuyển về sinh sống cùng mẹ đẻ tại thôn T, xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay không quan tâm đến nhau.

Nay chị xác định do vợ chồng sống ly thân thời gian dài, nên tình cảm vợ chồng giữa chị và anh S không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị và anh S không thể kéo dài cuộc sống chung, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh S.

Về con chung: Quá trình chung sống chị P và anh Bùi Xuân S có 01 con chung là Bùi Hà H, sinh ngày 15/8/2013 kể từ khi vợ chồng sống ly thân cháu H ở với chị P, khi ly hôn chị P yêu cầu Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị P tự nguyện không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Hà Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 05/4/2021 bị đơn anh Bùi Xuân S trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị P tự nguyện kết hôn ngày 19/9/2013 tại UBND xã Q, huyện L, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng có nhiều bất đồng trong cuộc sống, không cùng quan điểm với nhau nên thường cãi cọ, chửi bới lẫn nhau, khi mâu thuẫn xảy ra cũng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nhất kể từ giữa năm 2013, anh và chị P sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, nhưng nguyện vọng của chị P muốn được ly hôn, nên anh S cũng chấp nhận ly hôn chị P.

Về con chung: Anh và chị P có 01 con chung là Bùi Hà H, sinh ngày 15/8/2013 kể từ khi vợ chồng sống ly thân cháu H ở với chị P, khi vợ chồng ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao con chung cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: anh Bùi Xuân S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: anh Bùi Xuân S vắng mặt, chị Hà Thị P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa. Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định, bị đơn chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân chấp nhận chị Hà Thị P được ly hôn anh Bùi Xuân S; Về con chung: chấp nhận yêu cầu của chị P giao cháu Bùi Hà H, sinh ngày 15/8/2013 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, chị P tự nguyện không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét; Về tài sản chung: Chị P và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; Về án phí: Chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh S, anh S có địa chỉ cư trú tại xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh S đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh S theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu ly hôn và tình trạng hôn nhân giữa chị Hà Thị P và anh Bùi Xuân S:

Đánh giá về mâu thuẫn và thực trạng quan hệ hôn nhân: Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa chị P và anh S là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng sống ly thân từ năm 2013 đến nay không còn quan tâm đến nhau, chị P xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh S không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh S; anh S xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, nhưng anh cũng chấp nhận ly hôn chị P. Tòa án đã thông báo phiên họp, kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, đề tiến hành hòa giải cho các bên đoàn tụ, anh S đã nhận được thông báo nhưng không đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải, chứng tỏ anh S không còn tha thiết với cuộc sống chung cùng chị P. Thực tế chị P và anh S đã sống ly thân thời gian dài, hôn nhân giữa chị P và anh S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị P và anh S có 01 con chung là Bùi Hà H, sinh ngày 15/8/2013, kể từ khi vợ chồng sống ly thân cháu H ở với chị P cho đến nay. Nguyên vọng của chị P sau khi ly hôn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, anh S đồng ý sau khi vợ chồng ly hôn giao cháu H cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, cháu H cũng có nguyên vọng nếu bố mẹ ly hôn cháu ở với chị P, chị P cũng có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con, Vì vậy, chấp nhận giao cháu Bùi Hà H cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu H.

Chị P không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị P và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị P khởi kiện vụ án ly hôn, không thuộc trường hợp được miễn án phí, nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQ14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị P:

- Về hôn nhân: Chị Hà Thị P được ly hôn anh Bùi Xuân S.

- Về con chung: Giao cháu Bùi Hà H, sinh ngày 15/8/2013 cho chị Hà Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

Anh Bùi Xuân S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hà Thị P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0011683 ngày 25/01/2021.

5. Quyền kháng cáo: Chị P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND huyện Ngọc Lặc;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Lặc;
- UBND thị trấn L;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Sơn